**ĐIỀU LỆ**

**TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG**

**CỦA**

**[TENCONGTY\_TV]**

**[TINHTHANHPHODPI\_thuong\_TV], Ngày \_\_\_ tháng \_\_\_ năm \_\_\_\_\_**

**MỤC LỤC**

[ĐIỀU 1: PHẠM VI TRÁCH NHIỆM 1](#_Toc69651791)

[ĐIỀU 2: TÊN DOANH NGHIỆP 1](#_Toc69651792)

[ĐIỀU 3: TRỤ SỞ CHÍNH CÔNG TY 2](#_Toc69651793)

[ĐIỀU 4: NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH: 2](#_Toc69651794)

[ĐIỀU 5: THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG 2](#_Toc69651795)

[ĐIỀU 6: NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT 2](#_Toc69651796)

[ĐIỀU 7: VỐN ĐIỀU LỆ VÀ CỔ PHẦN CỦA CỔ ĐÔNG 5](#_Toc69651797)

[ĐIỀU 8: CỔ PHẦN 6](#_Toc69651798)

[ĐIỀU 9: QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG PHỔ THÔNG 7](#_Toc69651799)

[ĐIỀU 10: NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG 8](#_Toc69651800)

[ĐIỀU 11: CỔ PHẦN PHỔ THÔNG CỦA CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP 9](#_Toc69651801)

[ĐIỀU 12: CỔ PHẦN ƯU ĐÃI BIỂU QUYẾT VÀ QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG SỞ HỮU CỔ PHẦN ƯU ĐÃI BIỂU QUYẾT 10](#_Toc69651802)

[ĐIỀU 13: CỔ PHẦN ƯU ĐÃI CỔ TỨC VÀ QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG ƯU ĐÃI CỔ TỨC 10](#_Toc69651803)

[ĐIỀU 14: CỔ PHẦN ƯU ĐÃI HOÀN LẠI VÀ QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG ƯU ĐÃI HOÀN LẠI 11](#_Toc69651804)

[ĐIỀU 15: CỔ PHIẾU 11](#_Toc69651805)

[ĐIỀU 16: SỔ ĐĂNG KÝ CỔ ĐÔNG 11](#_Toc69651806)

[ĐIỀU 17: CHÀO BÁN CỔ PHẦN 11](#_Toc69651807)

[ĐIỀU 18: CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN 12](#_Toc69651808)

[ĐIỀU 19: CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RIÊNG LẺ 13](#_Toc69651809)

[ĐIỀU 20: MUA CỔ PHẦN, TRÁI PHIẾU 13](#_Toc69651810)

[ĐIỀU 21: MUA LẠI CỔ PHẦN THEO YÊU CẦU CỦA CỔ ĐÔNG 13](#_Toc69651811)

[ĐIỀU 22: MUA LẠI CỔ PHẦN THEO QUYẾT ĐỊNH CỦA CÔNG TY 14](#_Toc69651812)

[ĐIỀU 23: ĐIỀU KIỆN THANH TOÁN VÀ XỬ LÝ CÁC CỔ PHẨN ĐƯỢC MUA LẠI 14](#_Toc69651813)

[ĐIỀU 24: TRẢ CỔ TỨC 14](#_Toc69651814)

[ĐIỀU 25: THU HỒI TIỀN THANH TOÁN CỔ PHẦN MUA LẠI HOẶC CỔ TỨC 15](#_Toc69651815)

[ĐIỀU 26: CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CÔNG TY CỔ PHẦN 15](#_Toc69651816)

[ĐIỀU 27: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 16](#_Toc69651817)

[ĐIỀU 28: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 17](#_Toc69651818)

[ĐIỀU 29: CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 19](#_Toc69651825)

[ĐIỀU 30: TỔNG GIÁM ĐỐC 20](#_Toc69651826)

[ĐIỀU 31: THÙ LAO, TIỀN LƯƠNG VÀ LỢI ÍCH KHÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC 21](#_Toc69651827)

[ĐIỀU 32: TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY 21](#_Toc69651828)

[ĐIỀU 33: THẨM QUYỀN TRIỆU TẬP ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG 22](#_Toc69651829)

[ĐIỀU 34: ĐIỀU KIỆN ĐỂ TIẾN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG 23](#_Toc69651830)

[ĐIỀU 35: THỂ THỨC TIẾN HÀNH HỌP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG 24](#_Toc69651831)

[ĐIỀU 36: DANH SÁCH CỔ ĐÔNG CÓ QUYỀN DỰ HỌP ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG 25](#_Toc69651832)

[ĐIỀU 37: CHƯƠNG TRÌNH VÀ NỘI DUNG HỌP ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG 26](#_Toc69651833)

[ĐIỀU 38: MỜI HỌP ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG 26](#_Toc69651834)

[ĐIỀU 39: HÌNH THỨC THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG 27](#_Toc69651835)

[ĐIỀU 40: BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG 29](#_Toc69651842)

[ĐIỀU 41: BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 30](#_Toc69651843)

[ĐIỀU 42: HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH PHẢI ĐƯỢC ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG HOẶC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CHẤP THUẬN 31](#_Toc69651844)

[ĐIỀU 43: BAN KIỂM SOÁT 32](#_Toc69651845)

[ĐIỀU 44: CÔNG KHAI THÔNG TIN CÔNG TY CỔ PHẦN 35](#_Toc69651846)

[ĐIỀU 45: CHẾ ĐỘ LƯU TRỮ TÀI LIỆU CỦA CÔNG TY 35](#_Toc69651847)

[ĐIỀU 46: NGUYÊN TẮC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ 36](#_Toc69651848)

[ĐIỀU 47: TRÌNH BÁO CÁO HÀNG NĂM 36](#_Toc69651849)

[ĐIỀU 48: NĂM TÀI CHÍNH 37](#_Toc69651850)

[ĐIỀU 49: NGUYÊN TẮC PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN SAU THUẾ VÀ XỬ LÝ LỖ TRONG KINH DOANH 37](#_Toc69651851)

[ĐIỀU 50: TỔNG KẾT TOÁN 38](#_Toc69651852)

[ĐIỀU 51: THÀNH LẬP 38](#_Toc69651853)

[ĐIỀU 52 CHIA, TÁCH, HỢP NHẤT, SÁP NHẬP, CHUYỂN ĐỔI CÔNG TY 38](#_Toc69651854)

[ĐIỀU 53: TRƯỜNG HỢP GIẢI THỂ, TRÌNH TỰ GIẢI THỂ VÀ THỦ TỤC THANH LÝ TÀI SẢN CỦA CÔNG TY 38](#_Toc69651855)

[ĐIỀU 54: CON DẤU 40](#_Toc69651856)

[ĐIỀU 55: HIỆU LỰC CỦA ĐIỀU LỆ 40](#_Toc69651857)

[ĐIỀU 56: THỂ THỨC SỬA ĐỔI BỔ SUNG CÁC ĐIỀU KHOẢN CỦA ĐIỀU LỆ 40](#_Toc69651858)

[ĐIỀU 57: ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG 41](#_Toc69651859)

**ĐIỀU LỆ**

**[TENCONGTY\_TV]**

Chúng tôi, gồm những cổ đông sáng lập có tên như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ và tên (cổ đông sáng lập)** | **Ngày tháng năm sinh (Đối với cổ đông là cá nhân)** | **Giới tính** | **Quốc tịch** | **Địa chỉ liên lạc đối với cổ đông sáng lập là cá nhân hoặc địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông sáng lập là tổ chức** | **Loại, số, ngày, cơ quan cấp Giấy tờ pháp lý của cổ đông sáng lập là cá nhân; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với cổ đông sáng lập là tổ chức** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
|  | [TEN\_CD1\_TV] | [NGAYSINH\_CD1\_TV] | [GIOITINH\_CD1\_TV] | [QUOCTICH\_CD1\_TV] | **Cá nhân**  [DIACHILL\_CD1\_TV]  **Tổ chức**  [DIACHI\_CD1\_TV] | CCCD/Hộ chiếu số [GTPL\_CD1], cấp ngày [NGAYCAP\_CD1\_TV] tại [NOICAP\_CD1\_TV]  Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Quyết định thành lập/Chứng nhận thành lập số [GTPL\_CD1] cấp ngày [NGAYCAP\_CD1\_TV], điều chỉnh lần thứ [\_\_\_] ngày [\_\_\_\_\_] tại [NOICAP\_CD1\_TV] |
|  | [TEN\_CD2\_TV] | [NGAYSINH\_CD2\_TV] | [GIOITINH\_CD2\_TV] | [QUOCTICH\_CD2\_TV] | **Cá nhân**  [DIACHILL\_CD2\_TV]  **Tổ chức**  [DIACHI\_CD2\_TV] | CCCD/Hộ chiếu số [GTPL\_CD2], cấp ngày [NGAYCAP\_CD2\_TV] tại [NOICAP\_CD2\_TV]  Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Quyết định thành lập/Chứng nhận thành lập số [GTPL\_CD2] cấp ngày [NGAYCAP\_CD2\_TV], điều chỉnh lần thứ [\_\_\_] ngày [\_\_\_\_\_] tại [NOICAP\_CD2\_TV] |
|  | [TEN\_CD3\_TV] | [NGAYSINH\_CD3\_TV] | [GIOITINH\_CD3\_TV] | [QUOCTICH\_CD3\_TV] | **Cá nhân**  [DIACHILL\_CD3\_TV]  **Tổ chức**  [DIACHI\_CD3\_TV] | CCCD/Hộ chiếu số [GTPL\_CD3], cấp ngày [NGAYCAP\_CD3\_TV] tại [NOICAP\_CD3\_TV]  Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Quyết định thành lập/Chứng nhận thành lập số [GTPL\_CD3] cấp ngày [NGAYCAP\_CD3\_TV], điều chỉnh lần thứ [\_\_\_] ngày [\_\_\_\_\_] tại [NOICAP\_CD3\_TV] |
|  | [TEN\_CD4\_TV] | [NGAYSINH\_CD4\_TV] | [GIOITINH\_CD4\_TV] | [QUOCTICH\_CD4\_TV] | **Cá nhân**  [DIACHILL\_CD4\_TV]  **Tổ chức**  [DIACHI\_CD4\_TV] | CCCD/Hộ chiếu số [GTPL\_CD4], cấp ngày [NGAYCAP\_CD4\_TV] tại [NOICAP\_CD4\_TV]  Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Quyết định thành lập/Chứng nhận thành lập số [GTPL\_CD4] cấp ngày [NGAYCAP\_CD4\_TV], điều chỉnh lần thứ [\_\_\_] ngày [\_\_\_\_\_] tại [NOICAP\_CD4\_TV] |
|  | [TEN\_CD5\_TV] | [NGAYSINH\_CD5\_TV] | [GIOITINH\_CD5\_TV] | [QUOCTICH\_CD5\_TV] | **Cá nhân**  [DIACHILL\_CD5\_TV]  **Tổ chức**  [DIACHI\_CD5\_TV] | CCCD/Hộ chiếu số [GTPL\_CD5], cấp ngày [NGAYCAP\_CD5\_TV] tại [NOICAP\_CD5\_TV]  Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Quyết định thành lập/Chứng nhận thành lập số [GTPL\_CD5] cấp ngày [NGAYCAP\_CD5\_TV], điều chỉnh lần thứ [\_\_\_] ngày [\_\_\_\_\_] tại [NOICAP\_CD5\_TV] |
|  | [TEN\_CD6\_TV] | [NGAYSINH\_CD6\_TV] | [GIOITINH\_CD6\_TV] | [QUOCTICH\_CD6\_TV] | **Cá nhân**  [DIACHILL\_CD6\_TV]  **Tổ chức**  [DIACHI\_CD6\_TV] | CCCD/Hộ chiếu số [GTPL\_CD6], cấp ngày [NGAYCAP\_CD6\_TV] tại [NOICAP\_CD6\_TV]  Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Quyết định thành lập/Chứng nhận thành lập số [GTPL\_CD6] cấp ngày [NGAYCAP\_CD6\_TV], điều chỉnh lần thứ [\_\_\_] ngày [\_\_\_\_\_] tại [NOICAP\_CD6\_TV] |

Cùng đồng ý và ký tên chấp thuận dưới đây thành lập một [TENCONGTY\_thuong\_TV] (dưới đây gọi tắt là “**Công ty**”) hoạt động tuân theo Luật Doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khoá XIV thông qua ngày 17/6/2020và bản Điều lệ này với các chương, điều, khoản sau đây:

----------------------------------------------------

**CHƯƠNG 1**

**ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

# ĐIỀU 1: PHẠM VI TRÁCH NHIỆM

Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn đã góp vào doanh nghiệp

# ĐIỀU 2: TÊN DOANH NGHIỆP

* Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: **[TENCONGTY\_TV]**
* Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: **[TENCONGTY\_TA]**
* Tên Công ty viết tắt: **[TENCONGTY\_T]**

# ĐIỀU 3: TRỤ SỞ CHÍNH CÔNG TY

Địa chỉ trụ sở chính: [DIACHICTY\_TV]

# ĐIỀU 4: NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **TÊN NGÀNH** | **MÃ NGÀNH** |
|  | [NGANHNGHE1\_TV] | [VSIC\_NN1]  *(Chính)* |
|  | [NGANHNGHE2\_TV] | [VSIC\_NN2] |
|  | [NGANHNGHE3\_TV] | [VSIC\_NN3] |
|  | [NGANHNGHE4\_TV] | [VSIC\_NN4] |
|  | [NGANHNGHE5\_TV] | [VSIC\_NN5] |
|  | [NGANHNGHE6\_TV] | [VSIC\_NN6] |
|  | [NGANHNGHE7\_TV] | [VSIC\_NN7] |
|  | [NGANHNGHE8\_TV] | [VSIC\_NN8] |
|  | [NGANHNGHE9\_TV] | [VSIC\_NN9] |
|  | [NGANHNGHE10\_TV] | [VSIC\_NN10] |
|  | [NGANHNGHE11\_TV] | [VSIC\_NN11] |
|  | [NGANHNGHE12\_TV] | [VSIC\_NN12] |
|  | [NGANHNGHE13\_TV] | [VSIC\_NN13] |
|  | [NGANHNGHE14\_TV] | [VSIC\_NN14] |
|  | [NGANHNGHE15\_TV] | [VSIC\_NN15] |
|  | [NGANHNGHE16\_TV] | [VSIC\_NN16] |
|  | [NGANHNGHE17\_TV] | [VSIC\_NN17] |
|  | [NGANHNGHE18\_TV] | [VSIC\_NN18] |
|  | [NGANHNGHE19\_TV] | [VSIC\_NN19] |
|  | [NGANHNGHE20\_TV] | [VSIC\_NN20] |

# ĐIỀU 5: THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG

Thời gian hoạt động của công ty là 50 năm kể từ ngày được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Công ty có thể chấm dứt hoạt động trước thời hạn hoặc kéo dài thêm thời gian hoạt động theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo quy định của pháp luật.

# ĐIỀU 6: NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

1. Công ty có 01 (một) người đại diện theo pháp luật, giữ chức vụ Tổng Giám Đốc.

2 Quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật:

1. thay mặt và đại diện Công ty, ký tất cả các tài liệu có liên quan đến các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật với tư cách là Tổng Giám Đốc được quy định tại Điều lệ này, bao gồm nhưng không giới hạn ở các hợp đồng lao động (ngoại trừ hợp đồng lao động giữa Tổng Giám Đốc và Công ty) hoặc hợp đồng mua bán;
2. đại diện Công ty với tư cách là nguyên đơn, bị đơn hoặc người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong tố tụng trọng tài hoặc Tòa án;
3. đại diện cho Công ty trước bất kỳ bên thứ ba nào bao gồm cả các cơ quan Chính phủ tại Việt Nam;
4. tuân thủ các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 30 của Điều lệ này; và
5. các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật áp dụng.

----------------------------------------------------

**CHƯƠNG 2**

**VỐN ĐIỀU LỆ - CỔ ĐÔNG - CỔ PHẦN - CỔ PHIẾU**

# ĐIỀU 7: VỐN ĐIỀU LỆ VÀ CỔ PHẦN CỦA CỔ ĐÔNG

Vốn điều lệ của công ty là [VDL\_SO\_TV] VNĐ *(bằng chữ: [VDL\_CHU\_TV] VNĐ)* tương đương [VDL\_SO\_NGOAITE\_TV] USD (*in words:* *[VDL\_CHU\_NGOAITE\_TV] Đô la Mỹ)*. Số vốn này được chia thành [CPPT\_SOLUONG\_TV]cổ phần phổ thông. Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần phổ thông

Trong đó:

* Tổng số cổ phần, loại cổ phần cổ đông sáng lập đăng ký mua: [CPPT\_SOLUONG\_TV]cổ phần phổ thông;
* Tổng số cổ phần, loại cổ phần dự kiến chào bán: Không

Các cổ đông đăng ký mua cổ phần cụ thể như sau:

Đơn vị tính: đồng

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên cổ đông** | **Vốn góp** | | | | | | | **Thời điểm góp vốn** |
| **Tổng số cổ phần** | | **Tỷ lệ Sở hữu vốn** | **Loại cổ phần** | | | |  |
| **Cổ phần phổ thông** | | **……** | |
| **Số lượng** | **Giá trị** |  | **Số lượng** | **Giá trị** | **Số lượng** | **Giá trị** |
| 1 | [TEN\_CD1\_TV] | [TONG\_CP\_CD1\_SOLUONG\_TV] | [TONG\_CP\_CD1\_GIATRI\_TV] | [TYLE\_CP\_CD1\_TV] | [CPPT\_SOLUONG\_CD1\_TV] | [CPPT\_GIATRI\_CD1\_TV] | 0 | 0 | 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp |
| 2 | [TEN\_CD2\_TV] | [TONG\_CP\_CD2\_SOLUONG\_TV] | [TONG\_CP\_CD2\_GIATRI\_TV] | [TYLE\_CP\_CD2\_TV] | [CPPT\_SOLUONG\_CD2\_TV] | [CPPT\_GIATRI\_CD2\_TV] | 0 | 0 | 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp |
| 3 | [TEN\_CD3\_TV] | [TONG\_CP\_CD3\_SOLUONG\_TV] | [TONG\_CP\_CD3\_GIATRI\_TV] | [TYLE\_CP\_CD3\_TV] | [CPPT\_SOLUONG\_CD3\_TV] | [CPPT\_GIATRI\_CD3\_TV] | 0 | 0 | 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp |
| 4 | [TEN\_CD4\_TV] | [TONG\_CP\_CD4\_SOLUONG\_TV] | [TONG\_CP\_CD4\_GIATRI\_TV] | [TYLE\_CP\_CD4\_TV] | [CPPT\_SOLUONG\_CD4\_TV] | [CPPT\_GIATRI\_CD4\_TV] | 0 | 0 | 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp |
| 5 | [TEN\_CD5\_TV] | [TONG\_CP\_CD5\_SOLUONG\_TV] | [TONG\_CP\_CD5\_GIATRI\_TV] | [TYLE\_CP\_CD5\_TV] | [CPPT\_SOLUONG\_CD5\_TV] | [CPPT\_GIATRI\_CD5\_TV] | 0 | 0 | 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp |
| 6 | [TEN\_CD6\_TV] | [TONG\_CP\_CD6\_SOLUONG\_TV] | [TONG\_CP\_CD6\_GIATRI\_TV] | [TYLE\_CP\_CD6\_TV] | [CPPT\_SOLUONG\_CD6\_TV] | [CPPT\_GIATRI\_CD6\_TV] | 0 | 0 | 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp |

Vốn điều lệ có thể tăng hoặc giảm do yêu cầu tình hình hoạt động của Công ty và do quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

# ĐIỀU 8: CỔ PHẦN

1. Công ty cổ phần phải có cổ phần phổ thông. Người sở hữu cổ phần phổ thông là cổ đông phổ thông.
2. Công ty cổ phần có thể có cổ phần ưu đãi. Người sở hữu cổ phần ưu đãi gọi là cổ đông ưu đãi. Cổ phần ưu đãi gồm các loại sau đây:
3. Cổ phần ưu đãi biểu quyết;
4. Cổ phần ưu đãi cổ tức;
5. Cổ phần ưu đãi hoàn lại;
6. Cổ phần ưu đãi khác;
7. Số lượng cổ phần các cổ đông sáng lập đăng ký mua:

Đơn vị tính: đồng

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên cổ đông** | **Vốn góp** | | | | | | | **Thời điểm góp vốn** |
| **Tổng số cổ phần** | | **Tỷ lệ Sở hữu vốn** | **Loại cổ phần** | | | |  |
| **Cổ phần phổ thông** | | **……** | |
| **Số lượng** | **Giá trị** |  | **Số lượng** | **Giá trị** | **Số lượng** | **Giá trị** |
| 1 | [TEN\_CD1\_TV] | [TONG\_CP\_CD1\_SOLUONG\_TV] | [TONG\_CP\_CD1\_GIATRI\_TV] | [TYLE\_CP\_CD1\_TV] | [CPPT\_SOLUONG\_CD1\_TV] | [CPPT\_GIATRI\_CD1\_TV] | 0 | 0 | 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp |
| 2 | [TEN\_CD2\_TV] | [TONG\_CP\_CD2\_SOLUONG\_TV] | [TONG\_CP\_CD2\_GIATRI\_TV] | [TYLE\_CP\_CD2\_TV] | [CPPT\_SOLUONG\_CD2\_TV] | [CPPT\_GIATRI\_CD2\_TV] | 0 | 0 | 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp |
| 3 | [TEN\_CD3\_TV] | [TONG\_CP\_CD3\_SOLUONG\_TV] | [TONG\_CP\_CD3\_GIATRI\_TV] | [TYLE\_CP\_CD3\_TV] | [CPPT\_SOLUONG\_CD3\_TV] | [CPPT\_GIATRI\_CD3\_TV] | 0 | 0 | 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp |
| 4 | [TEN\_CD4\_TV] | [TONG\_CP\_CD4\_SOLUONG\_TV] | [TONG\_CP\_CD4\_GIATRI\_TV] | [TYLE\_CP\_CD4\_TV] | [CPPT\_SOLUONG\_CD4\_TV] | [CPPT\_GIATRI\_CD4\_TV] | 0 | 0 | 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp |
| 5 | [TEN\_CD5\_TV] | [TONG\_CP\_CD5\_SOLUONG\_TV] | [TONG\_CP\_CD5\_GIATRI\_TV] | [TYLE\_CP\_CD5\_TV] | [CPPT\_SOLUONG\_CD5\_TV] | [CPPT\_GIATRI\_CD5\_TV] | 0 | 0 | 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp |
| 6 | [TEN\_CD6\_TV] | [TONG\_CP\_CD6\_SOLUONG\_TV] | [TONG\_CP\_CD6\_GIATRI\_TV] | [TYLE\_CP\_CD6\_TV] | [CPPT\_SOLUONG\_CD6\_TV] | [CPPT\_GIATRI\_CD6\_TV] | 0 | 0 | 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp |

s

1. Người được quyền mua cổ phần ưu đãi cổ tức, cổ phần ưu đãi hoàn lại và cổ phần ưu đãi khác do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
2. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho người sở hữu nó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.
3. Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
4. Cổ phần phổ thông được dùng làm tài sản cơ sở để phát hành chứng chỉ lưu ký không có quyền biểu quyết được gọi là cổ phần phổ thông cơ sở. Chứng chỉ lưu ký không có quyền biểu quyết có lợi ích kinh tế và nghĩa vụ tương ứng với cổ phần phổ thông cơ sở, trừ quyền biểu quyết.

# ĐIỀU 9: QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG PHỔ THÔNG

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:
2. Tham dự và phát biểu trong các Đại hội cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
3. Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
4. Được ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong công ty;
5. Được tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho cổ đông khác và cho người không phải là cổ đông, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120 và khoản 1 Điều 127 của Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
6. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
7. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
8. Khi công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty;
9. Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
10. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền sau đây:
11. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty;
12. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này;
13. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản.
14. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
15. Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
16. Yêu cầu triệu tập họp Hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.
17. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:
18. Các cổ đông phổ thông tự nguyện tập hợp thành nhóm thoả mãn các điều kiện quy định để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết chậm nhất ngay khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
19. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.
20. Quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

# ĐIỀU 10: NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG

1. Thanh toán đủ số cổ phần cam kết mua trong thời hạn 90 *(chín mươi)* ngày, kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào công ty. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
2. Tuân thủ Điều lệ và Quy chế quản lý nội bộ công ty.
3. Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
4. Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
5. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
6. Cổ đông phổ thông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
7. Vi phạm pháp luật;
8. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
9. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với công ty.

# ĐIỀU 11: CỔ PHẦN PHỔ THÔNG CỦA CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

1. Công ty cổ phần mới thành lập phải có ít nhất 03 cổ đông sáng lập; công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước hoặc từ công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc được chia, tách, hợp nhất, sáp nhập từ công ty cổ phần khác không nhất thiết phải có cổ đông sáng lập.
2. Các cổ đông sáng lập phải cùng nhau đăng ký mua ít nhất 20% tổng số cổ phần phổ thông được quyền chào bán khi đăng ký thành lập doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho cổ đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp này, cổ đông sáng lập dự định chuyển nhượng cổ phần phổ thông thì không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các cổ phần đó.
4. Các hạn chế quy định tại Khoản 3 Điều này không áp dụng đối với cổ phần phổ thông sau đây:
5. Cổ phần mà cổ đông sáng lập có thêm sau khi đăng ký thành lập doanh nghiệp;
6. Cổ phần đã được chuyển nhượng cho người khác không phải là cổ đông sáng lập.

# ĐIỀU 12: CỔ PHẦN ƯU ĐÃI BIỂU QUYẾT VÀ QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG SỞ HỮU CỔ PHẦN ƯU ĐÃI BIỂU QUYẾT

1. Cổ phần ưu đãi biểu quyết là cổ phần phổ thông có nhiều hơn phiếu biểu quyết so với cổ phần phổ thông khác. Số phiếu biểu quyết của một cổ phần ưu đãi biểu quyết là: 2/1;
2. Chỉ có tổ chức được Chính phủ ủy quyền và cổ đông sáng lập được quyền nắm giữ cổ phần ưu đãi biểu quyết. Ưu đãi biểu quyết của cổ đông sáng lập chỉ có hiệu lực trong ba năm, kể từ ngày công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sau thời hạn đó, cổ phần ưu đãi biểu quyết của cổ đông sáng lập chuyển đổi thành cổ phần phổ thông.
3. Quyền của cổ đông sở hữu cổ phần biểu quyết:
4. Biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông với số phiếu theo quy định;
5. Có các quyền khác như cổ đông phổ thông ngoại trừ việc chuyển nhượng cổ phần đó cho người khác.
6. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết không được chuyển nhượng cổ phần đó cho người khác, trừ trường hợp chuyển nhượng theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật hoặc thừa kế.

# ĐIỀU 13: CỔ PHẦN ƯU ĐÃI CỔ TỨC VÀ QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG ƯU ĐÃI CỔ TỨC

1. Cổ phần ưu đãi cổ tức là cổ phần được trả cổ tức với mức cao hơn so với mức cổ tức của cổ phần phổ thông hoặc mức ổn định hàng năm. Cổ tức được chia hàng năm gồm cổ tức cố định và cổ tức thưởng. Cổ tức cố định không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của công ty. Mức cổ tức cố định cụ thể và phương thức xác định cổ tức thưởng được ghi trên cổ phiếu của cổ phần ưu đãi cổ tức.
2. Quyền của cổ đông có cổ phần ưu đãi cổ tức:
3. Nhận cổ tức với mức theo quy định;
4. Được nhận lại một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty, sau khi Công ty đã thanh toán hết các khoản nợ, cổ phần ưu đãi hoàn lại khi công ty giải thể hoặc phá sản;
5. Các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ quyền biểu quyết, dự họp Đại hội đồng cổ đông và đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.

**ĐIỀU 14: CỔ PHẦN ƯU ĐÃI HOÀN LẠI VÀ QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG ƯU ĐÃI HOÀN LẠI**

1. Cổ phần ưu đãi hoàn lại là cổ phần sẽ được công ty hoàn lại vốn góp bất cứ khi nào theo yêu cầu của người sở hữu hoặc theo các điều kiện được ghi tại cổ phiếu của cổ phần ưu đãi hoàn lại.
2. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại có các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ quyền biểu quyết, dự họp Đại hội đồng cổ đông và đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.

# ĐIỀU 15: CỔ PHIẾU

1. Chứng chỉ do Công ty phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty gọi là cổ phiếu.
2. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật công ty chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.
3. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu huỷ dưới hình thức khác thì cổ đông được công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
4. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
5. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

# ĐIỀU 16: SỔ ĐĂNG KÝ CỔ ĐÔNG

1. Công ty cổ phần phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản giấy, tập dữ liệu điện tử ghi nhận thông tin về sở hữu cổ phần của các cổ đông công ty.
2. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty hoặc các tổ chức khác có chức năng lưu giữ sổ đăng ký cổ đông. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông công ty trong sổ đăng ký cổ đông.

# ĐIỀU 17: CHÀO BÁN CỔ PHẦN

1. Chào bán cổ phần là việc công ty tăng thêm số lượng cổ phần, loại cổ phần được quyền chào bán để tăng vốn điều lệ.
2. Chào bán cổ phần có thể thực hiện theo một trong các hình thức sau đây:
3. Chào bán cho các cổ đông hiện hữu;
4. Chào bán ra công chúng;
5. Chào bán cổ phần riêng lẻ.
6. Chào bán cổ phần ra công chúng, chào bán cổ phần của công ty cổ phần niêm yết và đại chúng thực hiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán.
7. Công ty thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành đợt bán cổ phần.

# ĐIỀU 18: CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN

1. Cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty có quy định hạn chế chuyển nhượng cổ phần. Trường hợp Điều lệ công ty có quy định hạn chế về chuyển nhượng cổ phần thì các quy định này chỉ có hiệu lực khi được nêu rõ trong cổ phiếu của cổ phần tương ứng.
2. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng hoặc giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Trường hợp chuyển nhượng thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán, trình tự, thủ tục và việc ghi nhận sở hữu thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.
3. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó là cổ đông của công ty.
4. Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.
5. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại công ty cho cá nhân, tổ chức khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Cá nhân, tổ chức được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ trở thành cổ đông của công ty.
6. Cá nhân, tổ chức nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại khoản 2 Điều 122 của Luật Doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.
7. Công ty phải đăng ký thay đổi cổ đông trong số đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu theo quy định tại Điều lệ công ty.

# ĐIỀU 19: CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RIÊNG LẺ

1. Chào bán trái phiếu riêng lẻ của công ty cổ phần không phải là công ty đại chúng là chào bán không thông qua phương tiện thông tin đại chúng cho dưới 100 nhà đầu tư, không kể nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp và đáp ứng điều kiện về đối tượng mua trái phiếu riêng lẻ như sau:
2. Nhà đầu tư chiến lược đối với trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ và trái phiếu kèm theo chứng quyền riêng lẻ;
3. Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp đối với trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ, trái phiếu, kèm theo chứng quyền riêng lẻ và loại trái phiếu riêng lẻ khác.
4. Công ty cổ phần không phải là công ty đại chúng chào bán trái phiếu riêng lẻ phải đáp ứng các điều kiện sau đây:
5. Công ty đã thanh toán đủ cả gốc và lãi của trái phiếu đã chào bán và đã đến hạn thanh toán hoặc thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn trong 03 năm liên tiếp trước đợt chào bán trái phiếu (nếu có), trừ trường hợp chào bán trái phiếu cho các chủ nợ là tổ chức tài chính được lựa chọn;
6. Có báo cáo tài chính của năm trước liền kề năm phát hành được kiểm toán;
7. Bảo đảm điều kiện về tỷ lệ an toàn tài chính, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định pháp luật;
8. Điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

# ĐIỀU 20: MUA CỔ PHẦN, TRÁI PHIẾU

Cổ phần, trái phiếu của Công ty có thể được mua bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, các tài sản khác và phải được thanh toán đủ một lần.

# ĐIỀU 21: MUA LẠI CỔ PHẦN THEO YÊU CẦU CỦA CỔ ĐÔNG

1. Cổ đông biểu quyết không thông qua quyết định về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ này có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải được gửi đến công ty trong thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại khoản này.
2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thoả thuận được về giá thì cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

# ĐIỀU 22: MUA LẠI CỔ PHẦN THEO QUYẾT ĐỊNH CỦA CÔNG TY

Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong thời hạn mười hai tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;
2. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này. Đối với cổ phần loại khác, nếu công ty và cổ đông có liên quan không có thoả thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường;
3. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong công ty. Quyết định mua lại cổ phần của công ty phải được thông báo bằng phương thức để bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi văn bản đồng ý bán cổ phần của mình bằng phương thức để bảo đảm đến được công ty trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày thông báo. Công ty chỉ mua lại cổ phần trong thời hạn nêu trên.

# ĐIỀU 23: ĐIỀU KIỆN THANH TOÁN VÀ XỬ LÝ CÁC CỔ PHẨN ĐƯỢC MUA LẠI

1. Công ty chỉ được thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều 21 và Điều 22 của bản Điều lệ này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.
2. Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 21 và Điều 22 của bản Điều lệ này được coi là cổ phần chưa bán theo quy định tại khoản 4 Điều 112 của Luật Doanh nghiệp.
3. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu huỷ ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám Đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu huỷ hoặc chậm tiêu huỷ cổ phiếu.
4. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của công ty giảm hơn 10% thì công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.

# ĐIỀU 24: TRẢ CỔ TỨC

1. Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo các điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi.
2. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của công ty. Công ty cổ phần chỉ được trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi có đủ các điều kiện sau đây:
   1. Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;
   2. Đã trích lập các quỹ công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
   3. Ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của công ty hoặc bằng tài sản khác quy định tại Điều lệ công ty. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng Đồng Việt Nam và theo các phương thức thanh toán theo quy định của pháp luật .

1. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất ba mươi ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký tất cả cổ đông chậm nhất mười lăm ngày trước khi thực hiện trả cổ tức.
2. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ công ty.

# ĐIỀU 25: THU HỒI TIỀN THANH TOÁN CỔ PHẦN MUA LẠI HOẶC CỔ TỨC

Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định tại khoản 1 Điều 23 của Điều lệ này hoặc trả cổ tức trái với quy định tại Điều 24 của Điều lệ này thì các cổ đông phải hoàn trả cho công ty số tiền, tài sản khác đã nhận; trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho công ty thì cổ đông đó và tất cả thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.

----------------------------------------------------

**CHƯƠNG 3**

**CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY**

# ĐIỀU 26: CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CÔNG TY CỔ PHẦN

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty gồm có:

* + 1. Đại Hội đồng cổ đông;
    2. Hội đồng quản trị;

1. Tổng Giám Đốc;
2. Ban kiểm soát;

# ĐIỀU 27: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
3. Thông qua định hướng phát triển của công ty;
4. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
5. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
6. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.
7. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty
8. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
9. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
10. Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty;
11. Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty;
12. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
13. Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
14. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;
15. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

# ĐIỀU 28: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
3. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;
4. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
5. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
6. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của công ty;
7. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 Điều 22 của Điều lệ này;
8. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc Điều lệ này;
9. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ hợp đồng và giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 27, khoản 1 và khoản 3 Điều 42 của Điều lệ này;
10. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám Đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó.
11. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám Đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;
12. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
13. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định.
14. Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
15. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
16. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản công ty;

### Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng các biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi Thành viên Hội đồng quản trị có 01 *(một)* phiếu biểu quyết.

### Trong trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định pháp luật hiện hành, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên Hội đồng quản trị tán thành thông qua nghị quyết đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên Hội đồng quản trị nào phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

### Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Hội đồng quản trị có 03 *(ba)* thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu bằng phương thức bầu dồn phiếu. Nhiệm kỳ của Thành viên Hội đồng là 05 *(năm)* năm và thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

### Thành viên Hội đồng quản trị phải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, có kinh nghiệm chuyên môn và thành thạo trong việc quản lý việc kinh doanh của Công ty và không bị cấm quản lý doanh nghiệp dưới bất kỳ hình thức nào theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

### Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc trong các trường hợp quy định trong Pháp luật doanh nghiệp.

### Thành viên Hội đồng quản trị có thể yêu cầu Người quản lý doanh nghiệp *(không bao gồm Chủ tịch, các thành viên Hội đồng quản trị khác)* của Công ty cung cấp thông tin và tài liệu về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của Công ty và của các bộ phận trong Công ty.

**ĐIỀU 29: CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
3. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
4. Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ trì và làm chủ toạ cuộc họp Hội đồng quản trị;
5. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
6. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
7. Chủ toạ họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị;
8. Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì uỷ quyền bằng văn bản cho một thành viên khác để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được uỷ quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.
9. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:
10. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
11. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
12. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
13. Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
14. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty *(nếu có).*

# ĐIỀU 30: TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một người trong số họ hoặc thuê người khác làm Tổng Giám Đốc.
2. Tổng Giám Đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Nhiệm kỳ của Tổng Giám Đốc không quá 05 *(năm)* năm; có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám Đốc theo quy định tại Điều 64 của Luật Doanh nghiệp.
3. Tổng Giám Đốc có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
4. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;
5. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
6. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;
7. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty;
8. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
9. Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám Đốc;
10. Tuyển dụng lao động;
11. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
12. Tổng Giám Đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này, hợp đồng lao động ký với công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Nếu điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho công ty thì Tổng Giám Đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.

# ĐIỀU 31: THÙ LAO, TIỀN LƯƠNG VÀ LỢI ÍCH KHÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị, trả lương, thưởng cho Tổng Giám Đốc và người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Giám Đốc hoặc Tổng Giám Đốc được trả theo quy định sau đây:
   1. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng.  
      Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên;
   2. Thành viên Hội đồng quản trị được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác khi thực hiện nhiệm vụ được giao;
   3. Giám Đốc hoặc Tổng Giám Đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Giám Đốc hoặc Tổng Giám Đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị, tiền lương của Tổng Giám Đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

# ĐIỀU 32: TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám Đốc và người quản lý khác có trách nhiệm sau đây:
   1. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
   2. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty;
   3. Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
   4. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty về nội dung quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám Đốc và người quản lý khác vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới đền bù lợi ích bị mất, trả lại lợi ích đã nhận và bồi thường toàn bộ thiệt hại cho công ty và bên thứ ba.

# ĐIỀU 33: THẨM QUYỀN TRIỆU TẬP ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG

1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 *(bốn)* tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 *(sáu)* tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:
3. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;
4. Báo cáo tài chính hằng năm;
5. Báo cáo của Hội đồng quản trị đánh giá thực trạng công tác quản lý kinh doanh ở công ty;
6. Báo cáo của Ban kiểm soát về quản lý công ty của Hội đồng quản trị, Tổng Giám Đốc;
7. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;
8. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
9. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.
10. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
11. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
12. Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
13. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 9 của Điều lệ này;
14. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
15. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 *(ba mươi)* ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại điểm b Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với công ty.
16. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 *(ba mươi)* ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ này. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với công ty.
17. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 9 của Điều lệ này đã yêu cầu có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ này.
18. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
19. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
20. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
21. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
22. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
23. Xác định thời gian và địa điểm họp;
24. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;
25. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.
26. Chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy tại các khoản 4, 5 và 6 của Điều này sẽ được công ty hoàn lại

# ĐIỀU 34: ĐIỀU KIỆN ĐỂ TIẾN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 *(ba mươi)* ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;
3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 *(hai mươi)* ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.
4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 37 của Điều lệ này.

# ĐIỀU 35: THỂ THỨC TIẾN HÀNH HỌP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG

Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành theo quy định sau đây:

1. Trước ngày khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký việc dự họp Đại hội đồng cổ đông cho đến khi bảo đảm việc đăng ký đầy đủ các cổ đông có quyền dự họp.
2. Chủ toạ, thư ký và ban kiểm phiếu của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định như sau:
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
4. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ toạ cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ toạ cuộc họp;
5. Chủ toạ cử một hoặc một số người làm thư ký lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;
6. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
7. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
8. Chủ toạ có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp;
9. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ toạ công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp;
10. Cổ đông hoặc người được uỷ quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng;
11. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền:
12. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;
13. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ toạ, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
14. Chủ toạ có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường các trường hợp sau đây:
15. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
16. Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
17. Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp. Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc;
18. Trường hợp chủ toạ hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ toạ điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.

# ĐIỀU 36: DANH SÁCH CỔ ĐÔNG CÓ QUYỀN DỰ HỌP ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn dài hơn.
2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức; địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.
3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý công ty phải cung cấp kịp thời thông tin sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; đồng thời chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong sổ đăng ký cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty.

# ĐIỀU 37: CHƯƠNG TRÌNH VÀ NỘI DUNG HỌP ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 9 của Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất ba ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, số và ngày đăng ký cổ đông tại Công ty, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
3. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:
4. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
5. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

# ĐIỀU 38: MỜI HỌP ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.
2. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông; đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của công ty; trường hợp công ty xét thấy cần thiết thì đăng báo hằng ngày của trung ương hoặc địa phương theo quy định của Điều lệ công ty.
3. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:
4. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
5. Phiếu biểu quyết;
6. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp.

4. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp theo thông báo mời hop quy định tại khoản 3 Điều này có thể thay thế bằng đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và công ty phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu.

# ĐIỀU 39: HÌNH THỨC THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Đại hội đồng cổ đông có quyền thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản trong tất cả các vấn đề bao gồm nhưng không giới hạn các vấn đề sau đây:
3. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;
4. Định hướng phát triển Công ty;
5. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
6. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
7. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
8. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
9. Thay đổi ngành, nghề kinh doanh và lĩnh vực kinh doanh;
10. Thay đổi cơ cấu tổ chức và quản lý của Công ty;
11. Tổ chức lại, giải thể công ty.

### Điều kiện để thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp:

* 1. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây được thông qua nếu được số Cổ đông đại diện ít nhất 65% *(sáu mươi lăm phần trăm)* tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp tán thành:

1. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
2. Thay đổi ngành, nghề kinh doanh và lĩnh vực kinh doanh;
3. Thay đổi cơ cấu tổ chức và quản lý của Công ty;
4. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% *(ba mươi lăm phần trăm)* tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; và
5. Tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;
   1. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề không được quy định tại Điều 39.3.a và 39.3.c sẽ được thông qua khi được số Cổ đông sở hữu trên 50% *(năm mươi phần trăm)* tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp tán thành.
   2. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và thành viên của Ban kiểm soát được thực hiện bằng phương thức bầu dồn phiếu, theo đó tổng số phiếu biểu quyết của mỗi Cổ đông bằng tổng số cổ phần sở hữu của họ nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát. Mỗi Cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho 01 *(một)* hoặc nhiều ứng cử viên. Người trúng cử được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho vị trí cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử .

### Điều kiện thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số Cổ đông sở hữu trên 50% *(năm mươi phần trăm)* tổng số phiếu biểu quyết tán thành. Thẩm quyền và thủ tục lấy ý kiến bằng văn bản phải phù hợp với Pháp luật doanh nghiệp. Một nghị quyết được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có hiệu lực tương đương với một nghị quyết được thông qua trong phiên họp của Đại hội đồng cổ đông.

### Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông sẽ có hiệu lực từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực được trong nghị quyết. Bất kỳ nghị quyết nào của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% *(một trăm phần trăm)* tổng số cố phần có quyền biểu quyết sẽ có giá trị pháp lý và sẽ có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua các nghị quyết này không được thi hành chính xác theo quy định.

### Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, nghị quyết có thể được đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

### Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

# ĐIỀU 40: BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG

* + - 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
2. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
3. Chương trình và nội dung cuộc họp;
4. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
5. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
6. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
7. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
8. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
9. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

* + - 1. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.
    1. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.
    2. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
    3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty (nếu có).
    4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

# ĐIỀU 41: BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:
2. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
3. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
4. Thời gian, địa điểm họp;
5. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
6. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
7. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
8. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
9. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
10. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.
11. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g, h và i khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.
12. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
13. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của công ty.
14. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

# ĐIỀU 42: HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH PHẢI ĐƯỢC ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG HOẶC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CHẤP THUẬN

1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan sau đây:
2. Cổ đông, người đại diện uỷ quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;
3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám Đốc và người có liên quan của họ;
4. Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám Đốc hoặc Tổng Giám Đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
5. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch theo quy định tại khoản 1 Điều này và có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Người đại diện theo pháp luật phải gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị, niêm yết tại trụ sở chính, chi nhánh của công ty dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn (15) mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.
6. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch sau đây:
7. Hợp đồng, giao dịch khác ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 2 Điều này;
8. Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.
9. Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 3 Điều này, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết; hợp đồng, giao dịch được chấp thuận theo quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 148 của Luật Doanh nghiệp.
10. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này, gây thiệt hại cho công ty; người ký kết hợp đồng, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám Đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.
11. Công ty phải công khai hợp đồng, giao dịch có liên quan theo quy định của pháp luật có liên quan.

# ĐIỀU 43: BAN KIỂM SOÁT

* + - 1. Ban kiểm soát thực hiện việc giám sát Hội đồng quản trị và Tổng Giám Đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty nhân danh Đại hội đồng cổ đông. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Người quản lý doanh nghiệp và sẽ báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông.
      2. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
  1. Giám sát Hội đồng quản trị và Tổng Giám Đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty;
  2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
  3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên;
  4. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;
  5. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty;
  6. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Điều 9.2 của Điều lệ này;
  7. Khi có yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Điều 9.2 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Ban kiểm soát phải nộp báo cáo giải trình kết quả của việc kiểm tra những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông có yêu cầu trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra;

3. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;

1. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;
2. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám Đốc vi phạm quy định tại Điều 32 của Điều lệ này thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
3. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty;
4. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao;
5. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;
6. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
7. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Ban kiểm soát có từ 01 đến 05 kiểm soát viên, thành viên được bầu bởi Đại hội đồng cổ đông theo phương thức bầu dồn phiếu. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát là 05 *(năm)* năm và thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
8. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số Kiểm soát viên thường trú tại Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát - phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
9. Việc cung cấp thông tin cho Ban kiểm soát được quy định như sau: Tài liệu và thông tin phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:
   1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo;
   2. Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
   3. Báo cáo của Tổng Giám Đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành;
   4. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của Người quản lý doanh nghiệp và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
   5. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Người quản lý doanh nghiệp phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.
   6. Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát không được phép tiết lộ các bí mật của Công ty.
10. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định sau đây:
    * 1. Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát;
      2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;
      3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty

# ĐIỀU 44: CÔNG KHAI THÔNG TIN CÔNG TY CỔ PHẦN

1. Công ty cổ phần phải gửi báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật về kế toán và pháp luật có liên quan.
2. Công ty cổ phần công bố trên trang thông tin điện tử của mình các thông tin sau đây:
   1. Điều lệ công ty;
   2. Sơ yếu lý lịch, trình độ học vấn và kinh nghiệm nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám Đốc công ty;
   3. Báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
   4. Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động hằng năm của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.
3. Công ty cổ phần không phải là công ty niêm yết phải thông báo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh nơi công ty có trụ sở chính chậm nhất 03 ngày làm việc sau khi có thông tin hoặc có thay đổi các thông tin về họ, tên, quốc tịch, số hộ chiếu, địa chỉ thường trú, số cổ phần và loại cổ phần của cổ đông là cá nhân nước ngoài; tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, số cổ phần và loại cổ phần và họ, tên, quốc tịch, số hộ chiếu, địa chỉ liên lạc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài.

# ĐIỀU 45: CHẾ ĐỘ LƯU TRỮ TÀI LIỆU CỦA CÔNG TY

1. Công ty phải lưu giữ các tài liệu sau đây:
2. Điều lệ công ty; sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty; quy chế quản lý nội bộ của công ty; sổ đăng ký cổ đông;
3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp; giấy chứng nhận đăng ký chất lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; các giấy phép và giấy chứng nhận khác;
4. Tài liệu, giấy tờ xác nhận quyền sở hữu tài sản của công ty;
5. Phiếu biểu quyết, biên bản kiểm phiếu, biên bản họp Hội đồng thành viên, Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; các quyết định của doanh nghiệp;
6. Bản cáo bạch để chào bán hoặc niêm yết chứng khoán;
7. Báo cáo của Ban kiểm soát, kết luận của cơ quan thanh tra, kết luận của tổ chức kiểm toán độc lập;
8. Sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính hằng năm;
9. Các tài liệu khác theo quy định của pháp luật.
10. Công ty phải lưu giữ các tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này tại trụ sở chính; thời hạn lưu giữ thực hiện theo quy định của pháp luật.

# ĐIỀU 46: NGUYÊN TẮC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

1. Tranh chấp giữa các cổ đông sáng lập trước hết phải được giải quyết thông qua thương lượng và hoà giải;
2. Trong trường hợp các bên tranh chấp vẫn không thỏa thuận được với nhau thì vụ tranh chấp sẽ được đưa ra Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

----------------------------------------------------

**CHƯƠNG 4**

**THỐNG KÊ KẾ TOÁN TÀI CHÍNH - PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

# ĐIỀU 47: TRÌNH BÁO CÁO HÀNG NĂM

1. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải chuẩn bị các báo cáo và tài liệu sau đây:
2. Báo cáo kết quả kinh doanh của công ty;
3. Báo cáo tài chính;
4. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành công ty.
5. Đối với công ty cổ phần mà pháp luật yêu cầu phải kiểm toán thì báo cáo tài chính hằng năm của công ty cổ phần phải được kiểm toán trước khi trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.
6. Các báo cáo và tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.
7. Báo cáo và tài liệu do Hội đồng quản trị chuẩn bị; báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải có ở trụ sở chính và chi nhánh của công ty chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông
8. Cổ đông sở hữu cổ phần của công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư hoặc kế toán và kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét các báo cáo quy định tại Điều này trong thời gian hợp lý.

# ĐIỀU 48: NĂM TÀI CHÍNH

* + 1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1/1 dương lịch và chấm dứt vào ngày 31/12 hàng năm.
    2. Năm tài chính đầu tiên của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đến ngày 31/12 của năm đó.

### ĐIỀU 49: NGUYÊN TẮC PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN SAU THUẾ VÀ XỬ LÝ LỖ TRONG KINH DOANH

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.
3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.
6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.
8. Nguyên tắc xử lý lỗ trong kinh doanh: Trường hợp quyết toán năm tài chính bị lỗ, Đại hội đồng cổ đông công ty được quyết định theo các hướng sau:
9. Trích quỹ dự trữ để bù;
10. Chuyển sang năm sau để trừ vào lợi nhuận của năm tài chính sau trước khi phân phối lợi nhuận; hoặc
11. Quyết định khác của Đại hội đồng cổ đông nhưng không trái với quy định của pháp luật.

**ĐIỀU 50: TỔNG KẾT TOÁN**

Sổ sách kế toán của Công ty đều mở đầy đủ và giữ đúng các quy định hiện hành. Cuối mỗi năm tài chính, Công ty phải lập một bản Báo cáo tài chính để trình cho các cổ đông xem xét ít nhất là 07 ngày trước phiên họp toàn thể hàng năm. Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty phải được gởi đến Cơ quan Thuế và Cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền.

**----------------------------------------------------**

**CHƯƠNG 6**

**THÀNH LẬP, TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ**

# ĐIỀU 51: THÀNH LẬP

Công ty được thành lập sau khi Bản điều lệ này được các cổ đông sáng lập thông qua và được Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Mọi phí tổn liên hệ đến việc thành lập công ty đều được ghi vào mục chi phí của công ty và được tính hoàn giảm vào chi phí của năm tài chính đầu tiên đầu tiên.

**ĐIỀU 52 CHIA, TÁCH, HỢP NHẤT, SÁP NHẬP, CHUYỂN ĐỔI CÔNG TY**

Công ty thực hiện việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty theo quy định tại Điều 198, 199, 200, 201, 203 và 204 của Luật Doanh nghiệp.

**ĐIỀU 53: TRƯỜNG HỢP GIẢI THỂ, TRÌNH TỰ GIẢI THỂ VÀ THỦ TỤC THANH LÝ TÀI SẢN CỦA CÔNG TY**

1. Công ty giải thể trong các trường hợp sau:
2. Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ mà không có quyết định gia hạn;
3. Theo nghị quyết, quyết định của Đại Hội đồng cổ đông;
4. Công ty không còn đủ số lượng cổ đông tối thiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp trong thời hạn 06 tháng liên tục;
5. Bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
6. Công ty chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và Công ty không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc cơ quan trọng tài. Người quản lý có liên quan và Công ty quy định tại điểm d khoản 1 Điều 201 Luật Doanh nghiệp cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ của Công ty.
7. Trình tự, thủ tục giải thể công ty

Việc giải thể Công ty theo quy định tại điểm a, b, c khoản 1 điều này được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết, quyết định giải thể Công ty. Nghị quyết, quyết định giải thể Công ty phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;

- Lý do giải thể;

- Thời hạn, thủ tục thanh lý hợp đồng và thanh toán các khoản nợ của Công ty;

- Phương án xử lý các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng lao động;

- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;

1. Hội đồng quản trị trực tiếp tổ chức thanh lý tài sản Công ty;
2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày thông qua, nghị quyết, quyết định giải thể và biên bản họp phải được gửi đến Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế, người lao động trong doanh nghiệp. Nghị quyết, quyết định giải thể phải được đăng trên cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và được niêm yết công khai tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty. Trường hợp Công ty còn nghĩa vụ tài chính chưa thanh toán thì phải gửi kèm theo nghị quyết, quyết định giải thể và phương án giải quyết nợ đến các chủ nợ, người có quyền, nghĩa vụ và lợi ích có liên quan. Phương án giải quyết nợ phải có tên, địa chỉ của chủ nợ; số nợ, thời hạn, địa điểm và phương thức thanh toán số nợ đó; cách thức và thời hạn giải quyết khiếu nại của chủ nợ;
3. Các khoản nợ của Công ty được thanh toán theo thứ tự ưu tiên sau đây:

- Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

- Nợ thuế;

- Các khoản nợ khác;

1. Sau khi đã thanh toán chi phí giải thể Công ty và các khoản nợ, phần còn lại chia cho cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần;
2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty gửi hồ sơ giải thể doanh nghiệp cho Cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thanh toán hết các khoản nợ của doanh nghiệp.

**----------------------------------------------------**

**CHƯƠNG 7**

**ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG**

# ĐIỀU 54: CON DẤU

Người đại diện theo pháp luật có quyền quyết định hình thức, số lượng và nội dung con dấu. Con dấu được sử dụng trong các trường hợp theo quy định của pháp luật.

Người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám Đốc sẽ phụ trách bảo vệ và bảo quản Con dấu tại trụ sở chính. Trừ trường hợp có quy định khác, Con dấu phải được tuân thủ và chứng thực bởi chữ ký của Tổng Giám Đốc/Người đại diện theo pháp luật/bất cứ cá nhân nào có thẩm quyền thích hợp và cụ thể. Việc ủy quyền này có thể là ủy quyền chung hoặc ủy quyền cụ thể, trước hoặc sau khi đóng dấu, và được áp dụng cho bất cứ việc đóng dấu nào.

# ĐIỀU 55: HIỆU LỰC CỦA ĐIỀU LỆ

Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

**ĐIỀU 56: THỂ THỨC SỬA ĐỔI BỔ SUNG CÁC ĐIỀU KHOẢN CỦA ĐIỀU LỆ**

1. Những vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty không được nêu trong bản Điều lệ này sẽ do Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan khác điều chỉnh.
2. Trong trường hợp Điều lệ này có điều khoản trái luật pháp hoặc dẫn đến việc thi hành trái luật pháp, thì điều khoản đó không được thi hành và sẽ được xem xét sửa đổi ngay trong kỳ họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông.
3. Khi muốn bổ sung, sửa đổi nội dung Điều lệ này, Đại hội đồng cổ đông sẽ họp để thông qua quyết định nội dung thay đổi. Thể thức họp, thông qua nội dung sửa đổi theo quy định tại Điều 34 và Điều 38 của bản Điều lệ này.

**ĐIỀU 57: ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG**

Bản Điều lệ này đã được tập thể cổ đông sáng lập xem xét từng chương từng điều và cùng ký tên chấp thuận.

Bản điều lệ này gồm 06 chương 57 điều, được lập thành 05 bản có giá trị như nhau: 01 bản đăng ký tại cơ quan đăng ký kinh doanh, 01 bản lưu trữ tại trụ sở công ty, 01 bản cho mỗi cổ đông. Mọi sự sao chép, trích lục phải được ký xác nhận của các thành viên trong Hội đồng quản trị.

*[TINHTHANHPHODPI\_thuong\_TV], ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_\_\_\_*

**CHỮ KÝ ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT**

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**[TEN\_DDPL\_CTY\_TV]**

Chức danh: *[CHUCDANH\_DDPL\_CTY\_TV]*

**CHỮ KÝ CỦA TẤT CẢ CÁC CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP**

|  |  |
| --- | --- |
| **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**  **[TEN\_CD1\_TV]** | **[TEN\_CD1\_TV]**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**  **[TEN\_DDPL\_CD1\_TV]** |
| **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**  **[TEN\_CD2\_TV]** | **[TEN\_CD2\_TV]**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**  **[TEN\_DDPL\_CD2\_TV]** |
| **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**  **[TEN\_CD3\_TV]** | **[TEN\_CD3\_TV]**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**  **[TEN\_DDPL\_CD3\_TV]** |
| **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**  **[TEN\_CD4\_TV]** | **[TEN\_CD4\_TV]**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**  **[TEN\_DDPL\_CD4\_TV]** |
| **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**  **[TEN\_CD5\_TV]** | **[TEN\_CD5\_TV]**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**  **[TEN\_DDPL\_CD5\_TV]** |
| **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**  **[TEN\_CD6\_TV]** | **[TEN\_CD6\_TV]**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**  **[TEN\_DDPL\_CD6\_TV]** |